
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất VND		Lãi suất USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	VND	D/D	USD	D/D		Lợi suất	D/D
ON	4.68	0.10	2.50	0.02	3Y	3.70	0.500
1W	4.80	0.00	2.90	0.18	5Y	3.66	0.365
2W	5.02	0.09	3.06	0.21	7Y	3.92	0.212
1M	5.28	0.08	3.24	0.29	10Y	4.15	0.354
2M	5.54	0.11	3.40	0.30	15Y	4.23	0.332
3M	5.82	0.17	3.50	0.23			
6M	5.96	0.13	3.68	0.28			
9M	6.10	0.24	3.63	0.19			
1Y	6.18	0.20	3.70	0.21			

Nguồn: Reuters

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 21/09/2022

Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	-	999.99	15,999.98	- 14,999.99	4,938.33
Sell Outright	-	24,999.90	27,000.00	2,000.10	76,400.10
Tổng				- 12,999.89	

Thị trường TPCP sơ cấp

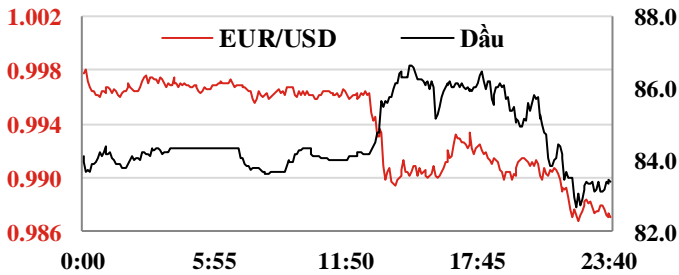
đơn vị: tỷ đồng

TCPPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	21-Sep-22	5	500	0	0.00%	0.00%
MOF	21-Sep-22	10	3000	2500	3.00%	0.07%
MOF	21-Sep-22	15	3000	2565	3.30%	0.07%
MOF	21-Sep-22	20	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			7000	5065		

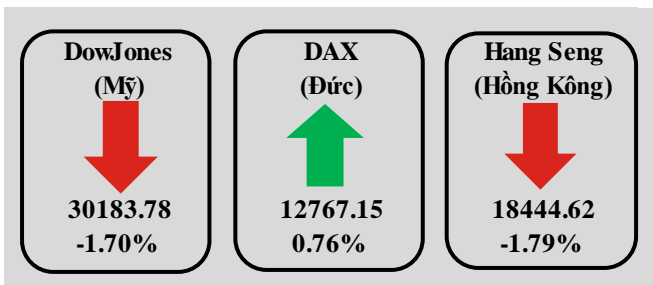
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1210.55	265.09	88.23
%/ngày	-0.69%	-0.68%	-0.32%
%/31/12/2021	-19.20%	-44.1%	-21.7%
KLGD (tr.đ.vị)	391.71	41.20	28.8
GTGD (tỷ đ)	9774.04	788.49	391.30
NDINN mua (tỷ đ)	670.84	11.19	0.13
NDINN bán (tỷ đ)	792.89	1.98	0.81

Tin trong nước ngày 21/09

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 21/09, NHNN giữ nguyên niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.301 VND/USD, tiếp tục không niêm yết tỷ giá mua giao ngay, tỷ giá bán giao ngay cũng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.700 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 23.696 VND/USD, tăng 21 đồng so với phiên 20/09. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng nhẹ 10 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.060 VND/USD và 24.130 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 21/09, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng tiếp 0,08 – 0,10 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 1W so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,68%; 1W 4,80%; 2W 5,02% và 1M 5,28%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 – 0,29 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 2,50%; 1W 2,90%; 2W 3,06%, 1M 3,24%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp cũng tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 3Y 3,70%; 5Y 3,66%; 7Y 3,92%; 10Y 4,15%; 15Y 4,23%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 999,99 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất tăng lên mức 5,90%; có 15.999,98 tỷ đồng đảo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 7 ngày, có 24.999,9 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất giữ ở mức 4,50%; có 27.000 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 12.999,98 tỷ VND từ thị trường qua kênh thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 4.938,33 tỷ VND, tín phiếu tăng lên mức 76.400,1 tỷ VND.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 21/09, KBNN huy động thành công 5.065/7.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 72%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được 2.500/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 2.565/3.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm và 15 năm lần lượt tại 3%/năm (+0,07%) và 3,3% (+0,07%). Kỳ hạn 5 năm và 20 năm đấu thầu thất bại.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường chứng khoán có một phiên âm ảm khi cả 3 sàn đều giao dịch dưới mốc tham chiếu, giá trị giao dịch xuống mức thấp. Chốt phiên, VN-Index giảm 8,38 điểm (-0,69%) xuống mức 1.210,55 điểm; HNX-Index hạ 1,82 điểm (-0,68%) về 265,09 điểm; UPCoM-Index sụt nhẹ 0,28 điểm (-0,32%) còn 88,23 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm với giá trị giao dịch gần 11.000 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng hơn 113 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Kỳ điều hành ngày 21/09, Liên Bộ Công Thương – Tài chính quyết định giảm giá các mặt hàng xăng dầu trong nước.** Giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: Xăng E5RON92: không cao hơn 21.781 đồng/lít (giảm 450 đồng/lít so với giá bán lẻ hiện hành); Xăng RON95-III: 22.584 đồng/lít (giảm 631 đồng/lít); Dầu diesel 0.05S: 22.536 đồng/lít (giảm 1.644 đồng/lít); Dầu hỏa: 22.441 đồng/lít (giảm 1.977 đồng/lít); Dầu mazut 180CST 3.5S: 14.656 đồng/kg (giảm 383 đồng/kg).



	21 Sep 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	110.64	0.39%	0.90%	15.29%
USD/CNY	7.05	0.43%	1.25%	10.95%
USD/EUR	1.02	1.35%	1.42%	15.56%
USD/JPY	144.04	0.22%	0.62%	25.17%
USD/KRW	1397.71	0.37%	0.48%	17.66%
USD/SGD	1.42	0.52%	0.78%	5.04%
USD/TWD	31.46	0.33%	1.23%	13.51%
USD/THB	37.17	0.43%	1.53%	11.86%
USD/VND Trung tâm	23301	0.00%	0.19%	0.67%
USD/VND LNH	23696	0.09%	0.43%	3.95%
USD/VND tự do	24060	0.00%	-0.04%	2.60%
Vàng	1673.74	0.64%	-1.30%	-8.46%
Dầu	82.94	-1.79%	-6.26%	10.28%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	2.3197	0.0043		
1M	3.0590	0.0071	2.3973	0.0000
3M	3.6039	0.0021	2.8113	0.0000
6M	4.1240	-0.0511	0.8211	0.0000
1Y	4.6824	-0.0170		

Số liệu ngày 20/09/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	2,50%	3,25%	21/09/2022	02/11/2022
Châu Âu	EUR	0,50%	1,25%	08/09/2022	27/10/2022
Anh	GBP	1,25%	1,75%	04/08/2022	22/09/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	22/09/2022
Australia	AUD	1,85%	1,35%	06/09/2022	04/10/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

▪ **Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed tiếp tục tăng mạnh lãi suất trong cuộc họp tháng 9.** Cụ thể, trong cuộc họp ngày hôm qua, cơ quan này quyết định tăng LSCS 75 đcb lần thứ 3 liên tiếp, lên mức 3,0% - 3,25%; là mức LSCS cao nhất kể từ năm 2008. Biểu đồ dot-plot của Fed cho thấy cơ quan này có thể tiếp tục tăng LSCS, và sẽ đạt mức 4,4% khi kết thúc năm 2022, sau đó đạt đỉnh ở 4,6% năm 2023, và sẽ chỉ giảm trở lại kể từ năm 2024. Về kinh tế, Fed dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ sẽ giảm tốc xuống mức 0,2% trong năm 2022 và sau đó tăng 1,2% năm 2023, thấp hơn so với mức tăng trưởng bình quân dài hạn. Fed cũng khẳng định, thị trường lao động đang khỏe mạnh với tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất trong vòng 50 năm, và hy vọng cung - cầu lao động sẽ cân bằng hơn trong thời gian tới, từ đó giảm áp lực về tiền lương và đà tăng lạm phát. Cơ quan này cam kết mạnh mẽ sẽ đưa lạm phát trở lại mức mục tiêu 2,0% trong dài hạn. Liên quan tới thông tin kinh tế Mỹ được công bố, doanh số bán nhà cũ của nước này trong tháng 8 đạt 4,80 triệu căn, giảm nhẹ so với 4,82 triệu căn của tháng 7 và cao hơn mức 4,69 triệu căn theo dự báo. Mặc dù mức giảm không nhiều, song tháng vừa qua vẫn đánh dấu là tháng thứ 7 liên tiếp có doanh số đi xuống.

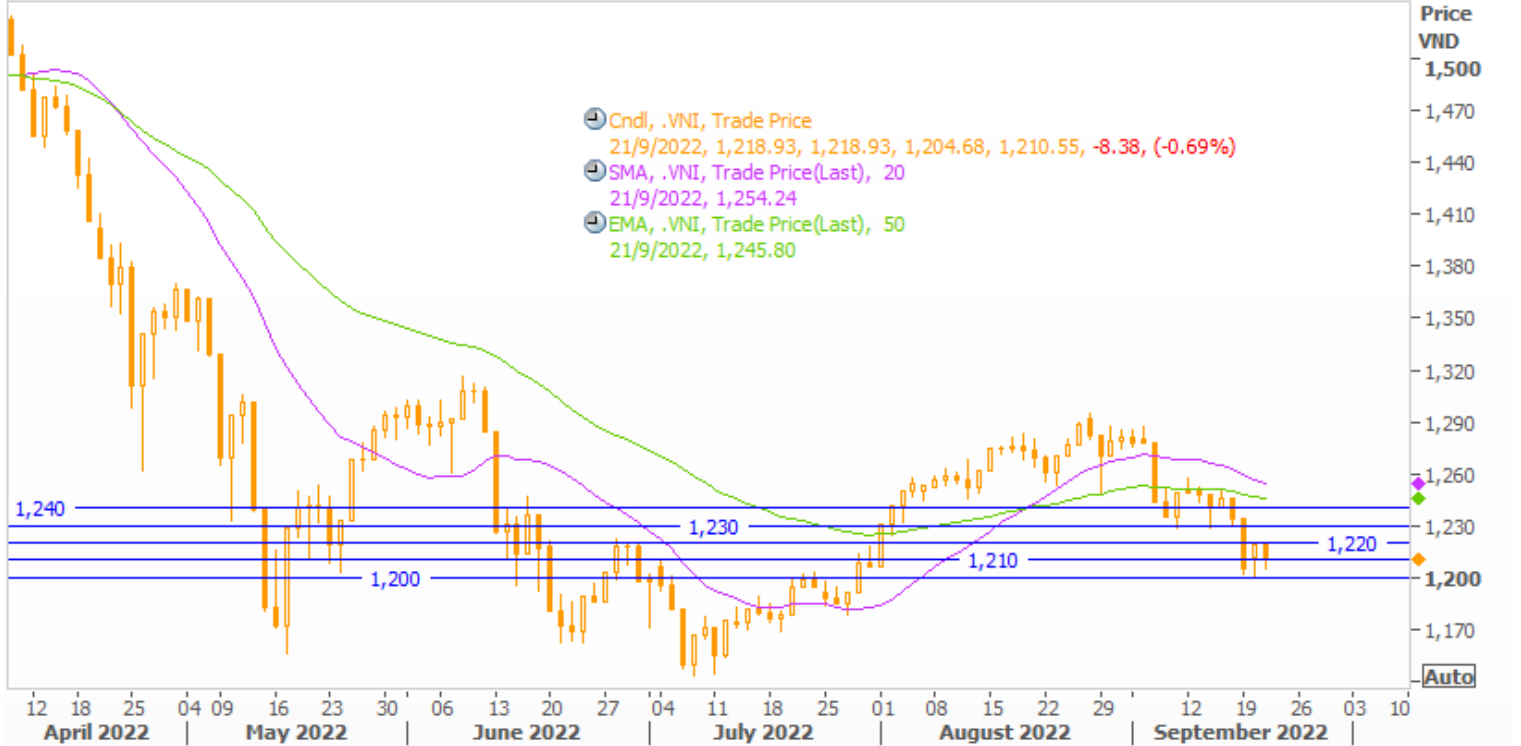
Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
21 - 09	21:00	**	Doanh số bán nhà cũ Mỹ T8	4.80M	4.69M	4.82M
22 - 09	1:00	***	LSCS Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed	3.25	3.25	2.50
22 - 09	Tentative	*	LSCS NHTW Nhật Bản BOJ		-0.1	-0.1
22 - 09	18:00	***	LSCS NHTW Anh BOE		2.25	1.75
22 - 09	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		220K	213K

VN-INDEX

Daily .VNI

7/4/2022 - 10/10/2022 (HAN)



VN-Index giảm xuống mức 1.210,55 điểm. Chỉ số có thể tiếp tục biến động giằng co với những nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ 1.140-1.300 điểm trong ngắn hạn.

Nguỡng hỗ trợ: 1.210 – 1.200

Nguỡng kháng cự: 1.230 – 1.240

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn